

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2018

V/v: Ly hôn giữa chị C và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Trần Văn Thiện

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX - ST ngày 06/4/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2018 giữa:

* Nguyên đơn: chị Đoàn Thị C , sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã V , huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; hiện trú tại: thôn Sơn Quả 4, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

* Bị đơn: anh Nguyễn Văn H , sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn Đ, xã V , huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/12/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đoàn Thị C trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 29 tháng 9 năm 2003, trước khi kết hôn hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V , huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và anh H về chung sống

với nhau ngay. Buổi đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2006, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu, say xỉn đánh đập chị vô cớ. Chị đã khuyên bảo anh H nhiều lần nhưng anh H không nghe. Năm 2009, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn S, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H .

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 02 con chung là: Nguyễn Văn H1 , sinh ngày 10/7/2004 và Nguyễn Thị Mai L , sinh ngày 10/01/2006, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L , anh H nuôi dưỡng cháu H1 . Do mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2018, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh nhất trí với trình bày của chị C về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, chị C tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị C sinh sống. Anh đã 03 lần đến đón chị C về đoàn tụ nhưng chị C không về. Vợ chồng đã ly thân năm 2008 cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị C và mong muốn của anh là vợ chồng về đoàn tụ, nhưng nếu chị C cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị C .

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, hiện đang do chị C nuôi dưỡng. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H1 , chị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu L . Do mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn H vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn H .

Về con chung: Giao cho chị C nuôi con Nguyễn Thị Mai L , sinh ngày 10/01/2006. Anh H nuôi dưỡng con Nguyễn Văn H1 , sinh ngày 10/7/2004. Chị C và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Án phí sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị C kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 29/9/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V , huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị C và anh H về chung sống với nhau ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, Đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu về nhà đánh chửi chị C vô cớ. Năm 2009, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị C phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị xin được ly hôn với anh H . Anh H cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 và tại biên bản xác minh của Tòa án thì chính quyền địa phương xác định vợ chồng chị C , anh H có xảy ra mâu thuẫn, có thời gian sống ly thân từ năm 2009. Xét thấy, cuộc sống chung của chị C , anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị C được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng chị C , anh H có 02 con chung tên là: Nguyễn Văn H1 , sinh ngày 10/7/2004 và Nguyễn Thị Mai L , sinh ngày 10/01/2006, hiện chị C đang nuôi con. Nay chị C nhận nuôi con cháu L, anh H nhận nuôi cháu H1. Đồng thời, nguyện vọng của cháu L là được ở với mẹ, cháu H1 có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo về mọi mặt của con khi giải quyết ly hôn và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên cần giao cho chị C tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Mai L , anh H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H1 là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp ruộng canh tác: chị C , anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147 ; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn H .

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị C tiếp tục nuôi con Nguyễn Thị Mai L , sinh ngày 10/01/2006, anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng con Nguyễn Văn H1 , sinh ngày 10/7/2004. Chị C , anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn chị C , anh H có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Đoàn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001802 ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã V ;
- Các đương sự;
- Lưu hs,vt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy

